

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Hà Nội tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 35

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("Tổng công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("báo cáo tài chính riêng") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên, Phụ trách Hội đồng thành viên (bổ nhiệm ngày 22/09/2023)
Ông Bùi Xuân Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 15/09/2023)
Ông Phạm Đức Cường	Thành viên
Ông Vũ Thế Hà	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Nam Khánh	Tổng giám đốc
Ông Đinh Quang Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Hữu Hà	Phó Tổng giám đốc
Ông Ngô Đức Lưu	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/09/2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,


Lê Nam Khánh
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số: 99 /2024/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng thành viên
Ban Tổng giám đốc
Tổng công ty Xi măng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("Tổng công ty"), được lập ngày 29/3/2024 và trình bày từ trang số 04 đến trang số 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1



Trần Thị Trang
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2909-2020-055-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**MẪU SỐ B01 - DN**
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.739.982.245.391	4.645.919.740.360
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	660.048.959.170	688.806.807.860
1. Tiền	111		155.302.684.573	206.748.368.231
2. Các khoản tương đương tiền	112		504.746.274.597	482.058.439.629
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.088.399.236.914	2.150.688.404.720
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	2.088.399.236.914	2.150.688.404.720
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.983.398.595.792	1.787.436.412.106
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	365.220.273.022	204.343.120.565
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	92.154.932.438	81.712.109.908
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	1.105.500.000.000	1.159.236.858.119
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	421.927.882.023	343.528.364.843
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.404.491.691)	(1.384.041.329)
IV. Hàng tồn kho	140		17.304.213	21.469.657
1. Hàng tồn kho	141		17.304.213	21.469.657
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.118.149.302	18.966.646.017
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	-	9.692.889.785
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.155.606.930
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	8.118.149.302	8.118.149.302
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.241.470.151.109	12.348.903.881.619
I. Tài sản cố định	220		390.813.729.814	394.645.822.361
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	16.697.451.466	20.366.704.912
- Nguyên giá	222		87.337.719.164	87.038.128.254
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.640.267.698)	(66.671.423.342)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	374.116.278.348	374.279.117.449
- Nguyên giá	228		392.700.060.022	392.700.060.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.583.781.674)	(18.420.942.573)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		881.321.184.653	881.321.184.653
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	881.321.184.653	881.321.184.653
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.955.543.434.642	11.059.145.072.605
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	11.625.303.583.730	11.636.911.706.952
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17	2.005.951.403.394	2.005.951.403.394
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	18	342.169.399.950	342.169.399.950
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.017.880.952.432)	(2.925.887.437.691)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		13.791.802.000	13.791.802.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	13.791.802.000	13.791.802.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		16.981.452.396.500	16.994.823.621.979

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		295.097.145.971	432.440.210.881
I. Nợ ngắn hạn	310		295.097.145.971	432.440.210.881
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	37.442.962.225	38.955.878.802
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		417.505.611	12.349.161.847
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	69.954.670.244	209.762.556.276
4. Phải trả người lao động	314		53.855.628.598	37.710.919.882
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	72.679.279.680	22.026.946.682
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	27.113.750.458	70.265.281.746
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		33.633.349.155	41.369.465.646
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.686.355.250.529	16.562.383.411.098
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	16.686.355.250.529	16.562.383.411.098
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.033.985.412.409	15.033.985.412.409
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		97.859.545.560	97.859.545.560
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.554.510.292.560	1.430.538.453.129
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		16.981.452.396.500	16.994.823.621.979

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập

Trịnh Thị Hương

Kế toán trưởng

Văn Quang Đức

Tổng giám đốc



Lê Nam Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	227.428.540.121	206.209.746.658
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		227.428.540.121	206.209.746.658
4. Giá vốn hàng bán	11	26	8.543.162.206	11.751.483.685
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		218.885.377.915	194.458.262.973
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	638.668.766.854	815.642.691.766
7. Chi phí tài chính	22	28	103.646.630.692	(77.000.762.174)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	339.595.975.149	267.633.178.604
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		414.311.538.928	819.468.538.309
11. Thu nhập khác	31	30	136.325.218	34.117.066
12. Chi phí khác	32	30	1.208.399.376	4.127.831.551
13. Lợi nhuận khác	40		(1.072.074.158)	(4.093.714.485)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		413.239.464.770	815.374.823.824
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		413.239.464.770	815.374.823.824

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập

Trịnh Thị Hương

Kế toán trưởng

Văn Quang Đức

Tổng giám đốc



Lê Nam Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	413.239.464.770	815.374.823.824
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.131.683.457	4.062.513.426
- Các khoản dự phòng	03	103.622.088.325	(77.793.216.945)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	14.826.115	(245.293.544)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(638.571.530.742)	(814.770.360.739)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(117.563.468.075)	(73.371.533.978)
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(158.978.766.502)	(67.829.144.624)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	4.165.444	(1.707.019)
- Tăng/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.769.981.757	(18.889.581.651)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	9.692.889.785	(9.564.026.148)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	40.020.516.520	33.000.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(72.563.866.491)	(60.090.479.505)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(297.618.547.562)	(196.746.472.925)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(299.590.910)	(6.351.522.397)
2. Tiền chi cho vay	23	(1.556.023.912.921)	(2.357.444.249.111)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	1.710.269.849.342	1.991.607.110.240
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	20.121.621.223
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	510.766.501.511	803.893.812.073
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	664.712.847.022	451.826.772.028
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(395.837.322.035)	(526.744.135.639)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(395.837.322.035)	(526.744.135.639)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(28.743.022.575)	(271.663.836.536)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	688.806.807.860	960.225.350.852
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	(14.826.115)	245.293.544
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	660.048.959.170	688.806.807.860

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Trịnh Thị Hương

Văn Quang Đức

Lê Nam Khánh



TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu

Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("Tổng công ty" hay "VICEM") là công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu, được chuyển đổi từ công ty nhà nước theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ. VICEM đổi tên từ Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam thành Tổng công ty Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 852/QĐ-BXD ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Bộ Xây dựng và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106320 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 7 năm 2011, đăng ký sửa đổi lần thứ sáu được cấp ngày 11 tháng 11 năm 2021.

Theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025, Tổng công ty sẽ tiếp tục duy trì loại hình công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ giai đoạn 2022 - 2025.

Trụ sở chính của Tổng công ty đặt tại số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 31/12/2023 là 235 người (tại ngày 31/12/2022: 234 người).

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker.

Ngành nghề kinh doanh liên quan:

- Kinh doanh than, thạch cao, vận tải cho chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh xi măng;
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn, chuyển giao kỹ năng quản lý, quản trị doanh nghiệp, kỹ thuật, thị trường;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Tư vấn đầu tư, xây dựng và phát triển xi măng;
- Lĩnh vực vật liệu xây dựng liên quan chuỗi giá trị ngành xi măng;
- Các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

Cấu trúc của Tổng công ty

Cơ cấu Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam bao gồm Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:

- Ban quản lý Dự án Trung tâm Điều hành VICEM và Khu tổng hợp Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội.
- Ban quản lý Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hối, Nghệ An.
- Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng (CCID).

Đơn vị hành chính sự nghiệp:

- Viện Công nghệ Xi măng Vicem (VTCl).

Theo Đề án tái cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được VICEM trình Bộ Xây dựng tại văn bản số 419/VICEM-HĐTV ngày 16/03/2023 và được cập nhật, bổ sung tại văn bản số 60/VICEM-HĐTV ngày 10/1/2024, Tổng công ty sẽ tổ chức lại CCID và VTCl vào thời điểm thích hợp, phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh của VICEM và quy định của pháp luật.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng công ty như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch (i)	Hải Dương	100%	100%	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng (i)	Hải Phòng	100%	100%	Sản xuất xi măng
3.	Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Ninh Bình	100%	100%	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Hồ Chí Minh	79,69%	79,69%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Thanh Hóa	73,15%	73,15%	Sản xuất xi măng
6.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Hà Nam	79,51%	79,51%	Sản xuất xi măng
7.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Nghệ An	73,80%	73,80%	Sản xuất xi măng
8.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân (i)	Đà Nẵng	75,75%	75,75%	Sản xuất xi măng
9.	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao (i)	Phú Thọ	80,79%	80,79%	Sản xuất xi măng
10.	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	82,69%	82,69%	Sản xuất xi măng
11.	Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Hà Nội	62,95%	62,95%	Kinh doanh than, rác bùn thải
12.	Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng (ii)	Hà Nội	59,64%	59,64%	Kinh doanh xi măng
13.	Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (ii)	Đà Nẵng	65,81%	65,81%	Kinh doanh xi măng, VLXD
14.	Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (ii)	Thừa Thiên Huế	59,18%	61,21%	Kinh doanh thạch cao
15.	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng (ii)	Hải Phòng	53,86%	53,86%	Dịch vụ vận tải
16.	Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch (ii)	Hải Dương	51,61%	51,61%	Dịch vụ vận tải
17.	Công ty Cổ phần Logistic Vicem	Hồ Chí Minh	50,08%	50,08%	Dịch vụ vận tải

(i): Theo Đề án tái cơ cấu lại Tổng công ty Xi măng Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 được VICEM trình Bộ Xây dựng tại văn bản số 419/VICEM-HĐTV ngày 16/03/2023 và được cập nhật, bổ sung tại văn bản số 60/VICEM-HĐTV ngày 10/1/2024, Tổng công ty sẽ chuyển giao phần vốn của VICEM tại một số công ty con theo Đề án tái cơ cấu VICEM giai đoạn 2019 - 2025 đã được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định 868/QĐ-BXD ngày 22/10/2019, như sau:

- Chuyển giao phần vốn của VICEM tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao (Vicem Sông Thao) về Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng (Vicem Hải Phòng);
- Chuyển giao phần vốn của VICEM tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân (Vicem Hải Vân) về Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch (Vicem Hoàng Thạch).

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(ii): Theo Đề án cơ cấu lại VICEM giai đoạn 2021 - 2025 đã trình Bộ Xây dựng, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty con này.

Ngoài các công ty con góp vốn đầu tư trực tiếp, Tổng công ty có các công ty con sở hữu gián tiếp (thông qua các công ty con khác) như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long)	Hồ Chí Minh	82,69%	100,00%	Sản xuất xi măng
2.	Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn)	Quảng Ngãi	56,18%	76,80%	Sản xuất xi măng
3.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ (công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên)	Hồ Chí Minh	51,80%	65,00%	Kinh doanh bất động sản
4.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức (công ty con của Công ty Cổ phần Logistic Vicem) (*)	Hồ Chí Minh	48,37%	96,58%	Kinh doanh bất động sản

(*) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết được tính trên vốn góp thực tế của chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2023.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty

STT	Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Xi măng Nghi Sơn	Thanh Hóa	35,00%	(i)	Sản xuất xi măng
2.	Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	Hồ Chí Minh	35,00%	(i)	Sản xuất xi măng
3.	Công ty Xi măng Chinfon	Hải Phòng	14,44%	(i)	Sản xuất xi măng
4.	Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Cần Thơ	48,17%	48,17%	Sản xuất xi măng
5.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng (ii)	Hải Phòng	48,99%	48,99%	Sản xuất bao bì
6.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn (ii)	Hà Nam	34,29%	34,29%	Sản xuất bao bì
7.	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn (ii)	Thanh Hóa	48,99%	48,99%	Sản xuất bao bì
8.	Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch (ii)	Hải Dương	27,76%	27,76%	Sản xuất bao bì
9.	Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên (ii)	Hồ Chí Minh	38,45%	38,45%	Sản xuất bao bì
10.	Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (ii)	Hà Nội	24,00%	24,00%	Xây dựng

(i) Các công ty liên doanh.

(ii) Theo Đề án cơ cấu lại VICEM giai đoạn 2021 - 2025 đã trình Bộ Xây dựng, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty liên kết này.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Xi măng Việt Nam ("báo cáo tài chính riêng") kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty được lập trên cơ sở cộng số liệu trên báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Các giao dịch và số dư nội bộ liên quan đến đầu tư vốn (cấp vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn vay hộ, ...), cung cấp hàng hóa, dịch vụ, thu hộ, chi hộ, lãi/lỗ nội bộ chưa thực hiện giữa Văn phòng Tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc hoặc giữa các đơn vị hạch toán thuộc với nhau được loại trừ khi trình bày các chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc được lập cùng năm và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất với báo cáo tài chính của Tổng công ty.

Theo Quyết định số 1008/QĐ-XMVN ngày 15/6/2011, Hội đồng thành viên Tổng công ty đã phê duyệt việc thành lập Viện Công nghệ Xi măng Vicem, một đơn vị sự nghiệp, tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động, trực thuộc Tổng công ty và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề theo quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ Xi măng Vicem do Tổng công ty phê duyệt. Báo cáo tài chính của Viện Công nghệ Xi măng Vicem hàng năm không được cộng hợp vào báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho cùng năm tài chính.

Tổng công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng này với báo cáo tài chính hợp nhất để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Tổng công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Tổng công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh trước ngày đầu tư được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư tài chính được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Riêng với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (công ty liên kết) được trích lập dự phòng như đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài không có ảnh hưởng đáng kể do Tổng công ty có kế hoạch thoái vốn tại đơn vị này.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào giá trị thị trường của cổ phiếu hoặc báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên nhận đầu tư.

4.4. Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bản quyền, bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 4 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 4 năm.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước theo hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Đông Hồi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An vào ngày 23/11/2012 trong thời hạn là 46 năm 10 tháng. Tổng công ty chưa thực hiện phân bổ giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng để xây dựng Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi, Nghệ An.

4.8. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.9. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.10. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ theo các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo pháp luật về thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết tại Tổng công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần lớn quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, Tổng công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các mối quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	594.420.945	9.082.255.523
Tiền gửi ngân hàng	154.708.263.628	197.666.112.708
Các khoản tương đương tiền (i)	504.746.274.597	482.058.439.629
Cộng	660.048.959.170	688.806.807.860

(i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các tổ chức tín dụng.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	2.088.399.236.914	2.150.688.404.720
Cộng	<u>2.088.399.236.914</u>	<u>2.150.688.404.720</u>

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các tổ chức tín dụng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	364.920.631.615	203.573.715.176
Phải thu khách hàng khác	299.641.407	769.405.389
Cộng	<u>365.220.273.022</u>	<u>204.343.120.565</u>

Chi tiết phải thu khách hàng là các bên liên quan:

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	24.615.322.650	15.083.384.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	4.207.818.555	5.038.079.986
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	646.871.065	142.154.509
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	269.680.480.312	148.157.219.669
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	33.205.150.178	18.264.552.536
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	23.063.240.857	10.884.863.774
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	2.148.239.121	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	3.987.295.058	3.442.970.781
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	97.165.258	77.284.560
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	531.011.607	-
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	904.684.075	1.740.770.348
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	321.162.162	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	105.795.184	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	33.901.905	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	2.341.836	-
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	362.706.909	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	261.571.125	69.598.129
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	233.527.975	100.890.818
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	58.039.957	60.729.328
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	19.445.790	25.630.238
Công ty TNHH Siam City Cement	434.860.036	485.586.500
Cộng	<u>364.920.631.615</u>	<u>203.573.715.176</u>

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần TID	56.716.805.883	56.716.805.883
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng	32.751.879.820	21.980.461.290
Các nhà cung cấp khác	2.686.246.735	3.014.842.735
Cộng	<u>92.154.932.438</u>	<u>81.712.109.908</u>

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Tại ngày 31/12/2023, Tổng công ty có các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	396.000.000.000	400.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	180.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	77.500.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	260.000.000.000	279.236.858.119
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	150.000.000.000	150.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	42.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	<u>1.105.500.000.000</u>	<u>1.159.236.858.119</u>

10. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá trị	Dự	Giá trị	Dự
	VND	phòng	VND	phòng
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	-	-	65.107.464	-
Phải thu lãi cho vay (*)	43.933.210.439	-	33.665.186.656	-
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia (*)	252.828.876.400	-	195.207.627.135	-
Phải thu chênh lệch Vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ tại Vicem Hải Phòng (*)	70.936.775.046	-	69.371.878.274	-
Phải thu về cổ phần hóa (**)	-	-	11.555.728.218	-
Lãi dự thu ngân hàng	48.576.976.791	-	28.447.216.848	-
Tạm ứng	4.817.213.997	-	2.657.234.000	-
Ký quỹ, ký cược	20.000.000	-	20.000.000	-
Phải thu liên quan đến ủy thác xuất khẩu	-	-	2.449.412.480	-
Phải thu khác	814.829.350	-	88.973.768	-
Cộng	<u>421.927.882.023</u>	-	<u>343.528.364.843</u>	-

(*): các khoản phải thu bên liên quan, chi tiết xem Thuyết minh số 33.

(**): Tổng công ty đã hạch toán toàn bộ chi phí cổ phần hóa phát sinh từ các năm trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của VICEM năm 2023 và loại trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Hiện tại, Tổng công ty đang hoàn tất các thủ tục trình đại diện chủ sở hữu Nhà nước là Bộ Xây dựng theo đúng các quy định hiện hành.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

MẪU SỐ B09 - DN

Thời gian quá hạn	Giá gốc		Giá trị		Thời gian quá hạn	Giá gốc		Giá trị	
	VND	VND	VND	VND		VND	VND	VND	VND
Từ 1 - 2 năm	615.428.800	307.714.400	(307.714.400)	-	Năm	-	-	-	-
Từ 2 - 3 năm	126.646.000	37.993.800	(88.652.200)	26.611.200	Từ 2 - 3 năm	88.704.000	26.611.200	(62.092.800)	-
Trên 3 năm	88.704.000	-	(88.704.000)	-	Trên 3 năm	-	-	-	-
Tổng cộng	904.779.684	904.779.684	(904.779.684)	1.104.779.684	Tổng cộng	1.104.779.684	-	(1.104.779.684)	-
Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	-	-	-	62.667.438	Trên 3 năm	62.667.438	-	(62.667.438)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng	14.641.407	-	(14.641.407)	334.379.630	Trên 3 năm	488.881.037	334.379.630	(154.501.407)	-
Cộng	1.750.199.891	345.708.200	(1.404.491.691)	1.745.032.159	Cộng	1.745.032.159	360.990.830	(1.384.041.329)	

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc (*) VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2023	31.091.857.610	1.125.420.343	27.062.328.730	27.758.521.571	87.038.128.254
Mua trong năm	-	-	-	299.590.910	299.590.910
Tại ngày 31/12/2023	31.091.857.610	1.125.420.343	27.062.328.730	28.058.112.481	87.337.719.164
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2023	24.912.546.923	1.125.420.343	15.660.410.464	24.973.045.612	66.671.423.342
Khấu hao trong năm	256.658.208	-	1.427.095.140	2.285.091.008	3.968.844.356
Tại ngày 31/12/2023	25.169.205.131	1.125.420.343	17.087.505.604	27.258.136.620	70.640.267.698
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	6.179.310.687	-	11.401.918.266	2.785.475.959	20.366.704.912
Tại ngày 31/12/2023	5.922.652.479	-	9.974.823.126	799.975.861	16.697.451.466
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	12.459.241.181	1.125.420.343	12.791.377.460	24.728.325.881	51.104.364.865
Nguyên giá TSCĐ không có nhu cầu sử dụng	5.799.706.162	-	-	-	5.799.706.162

(*): Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2023 bao gồm giá trị của Khu nhà điều dưỡng 5 tầng tại thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với giá trị là 5.799.706.162 đồng (đã khấu hao hết) và được Tổng công ty phân loại là tài sản không có nhu cầu sử dụng. Tổng công ty đang trình xin ý kiến Bộ Xây dựng để bàn giao Khu nhà điều dưỡng này cho Viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng - Bộ Xây dựng.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Bản quyền bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2023	374.116.278.348	13.830.660.674	4.753.121.000	392.700.060.022
Tại ngày 31/12/2023	374.116.278.348	13.830.660.674	4.753.121.000	392.700.060.022
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2023	-	13.781.266.530	4.639.676.043	18.420.942.573
Khấu hao trong năm	-	49.394.144	113.444.957	162.839.101
Tại ngày 31/12/2023	-	13.830.660.674	4.753.121.000	18.583.781.674
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2023	374.116.278.348	49.394.144	113.444.957	374.279.117.449
Tại ngày 31/12/2023	374.116.278.348	-	-	374.116.278.348
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	-	13.830.660.674	4.753.121.000	18.583.781.674

(*): Giá trị quyền sử dụng đất tại Khu Đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Tổng công ty chưa thực hiện trích khấu hao giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng để xây dựng Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM (i)	773.059.503.169	773.059.503.169
Dự án xây dựng khu tổng hợp Vĩnh Tuy (ii)	60.063.832.637	60.063.832.637
Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung (iii)	45.755.485.802	45.755.485.802
Dự án khu cảng Đông Hồi (iv)	2.442.363.045	2.442.363.045
Cộng	881.321.184.653	881.321.184.653

- (i) Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM được phê duyệt tại Quyết định số 01510/QĐ-XMVN ngày 23/9/2010, phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư theo Quyết định số 02208/QĐ-VMVN ngày 30/12/2011 của Hội đồng thành viên VICEM; Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND thành phố Hà Nội về điều chỉnh nội dung chủ trương đầu tư tại Giấy Chứng nhận đầu tư số 01121000884 do UBND thành phố Hà Nội ban hành ngày 20/9/2010. Tổng mức đầu tư của Dự án là 2.743,76 tỷ đồng. Theo Quyết định số 3660/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND thành phố Hà Nội đã chấp thuận giá hạn tiến độ dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong quý IV/2020.

Ngày 10/3/2017, Văn phòng Chính phủ đã ban hành văn bản số 2243/VPCP-CN đề nghị Bộ Xây dựng tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan để chỉ đạo việc chuyển nhượng dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM. Ngày 09/10/2019, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 2394/BXD-QLDN hướng dẫn thủ tục chuyển nhượng Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch VICEM.

Ngày 23/9/2021, VICEM đã có Văn bản số 1619/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An. Trong đó đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với cơ sở nhà đất tại lô 10E6 khu đô thị mới Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội là "giữ lại tiếp tục sử dụng để đầu tư hoàn thiện Dự án Trung tâm Điều hành và giao dịch VICEM.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Ngày 28/03/2023, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 1160/BXD-KHTC báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận chủ trương cho phép VICEM được tiếp tục đầu tư hoàn thiện Dự án Trung tâm Điều hành và giao dịch VICEM. Sau khi được chấp thuận, Bộ Xây dựng sẽ chỉ đạo VICEM thực hiện, đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư, sử dụng đất và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Ngày 02/8/2023, tại Công văn số 5873/VPCP-CN, Văn phòng Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo Bộ Xây dựng tiếp thu ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, chỉ đạo Tổng công ty Xi măng Việt Nam tiếp tục đầu tư hoàn thiện Dự án Trung tâm Điều hành và giao dịch VICEM tại Lô 10E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/8/2023, Bộ Xây dựng có văn bản số 3692/BXD-KHTC gửi VICEM về việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 5873/VPCP-CN ngày 02/8/2023 về dự án Trung tâm điều hành và giao dịch VICEM tại Lô 10E6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Hiện VICEM đang tiếp tục bám sát, hoàn thiện theo các ý kiến chỉ đạo của Bộ Xây dựng để rà soát, đẩy nhanh việc tiếp tục thực hiện Dự án theo đúng quy định của pháp luật.

- (ii) Dự án xây dựng Khu tổng hợp 122 Vĩnh Tuy được Hội đồng thành viên VICEM phê duyệt tại Quyết định số 1000/QĐ-XMVN ngày 04/7/2012, tổng mức đầu tư của Dự án là 6.501 tỷ đồng. Ngày 27/11/2015, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 6499/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phân Khu đô thị H2-4, tỷ lệ 1/2000.

Ngày 17/01/2019, VICEM có văn bản số 120/VICEM-HĐTV để báo cáo và đề nghị Bộ Xây dựng cho phép tiếp tục quản lý, sử dụng khu đất 122 Vĩnh Tuy phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của VICEM như hiện trạng cũng như đảm bảo tiến độ cổ phần hóa. Sau cổ phần hóa, căn cứ theo yêu cầu sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, tái cấu trúc VICEM và quy hoạch của Thành phố Hà Nội, VICEM sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền việc sử dụng đất trên theo quy định.

Ngày 20/9/2022, Bộ Xây dựng có văn bản số 4229/BXD-KHTC yêu cầu VICEM làm rõ mục đích, kế hoạch sử dụng phần diện tích đất 34.413,6 m² và xem xét đề xuất lại hình thức sắp xếp đối với phần diện tích đất là đường đi chung và phần diện tích đất thuộc quy hoạch mở đường.

Hội đồng thành viên VICEM đã có văn bản số 1435/VICEM-HĐTV ngày 18/7/2023 và văn bản số 60/VICEM-HĐTV ngày 10/01/2024 báo cáo Bộ Xây dựng về rà soát, cập nhật Đề án cơ cấu lại VICEM giai đoạn 2021-2025. Theo đó, định hướng đối với Dự án Khu Tổng hợp 122 Vĩnh Tuy, Hà Nội như sau:

- Tiếp tục làm việc với thành phố Hà Nội để rà soát điều chỉnh quy hoạch phù hợp với quy hoạch của thành phố Hà Nội.
- Tiếp tục quản lý sử dụng để triển khai dự án theo đúng quy định hiện hành.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, VICEM đang chờ ý kiến của Bộ Xây dựng về việc xem xét, chấp thuận Đề án tái cơ cấu nêu trên để triển khai dự án theo đúng quy định hiện hành.

- (iii) Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi được triển khai theo Quyết định số 770/QĐ-XMVN ngày 09/6/2010 của Hội đồng thành viên VICEM với tổng mức đầu tư là 819 tỷ đồng.

Ngày 28/02/2019, Hội đồng thành viên VICEM đã ban hành Quyết định số 363/QĐ-VICEM chấp thuận dừng dự án kể từ ngày 30/6/2018 để chuyển nhượng Dự án cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Vicem Hoàng Mai") tiếp tục đầu tư với giá chuyển nhượng không thấp hơn 59,8 tỷ đồng.

Ngày 23/9/2021, VICEM có văn bản số 1619/VICEM-HĐTV gửi Bộ Xây dựng về phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Nghệ An. Theo đó, đề xuất Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho VICEM được điều chỉnh dự án để góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai để thực hiện dự án Xi măng Hoàng Mai 2.

Ngày 20/9/2022, Bộ Xây dựng có văn bản số 4229/BXD-KHTC, trong đó đối với Khu đất tại Khu công nghiệp Đông Hồi, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An (dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi) yêu cầu Hội đồng thành viên VICEM cập nhật vào kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp.

Ngày 09/01/2023, VICEM đã phối hợp với Vicem Hoàng Mai làm việc với UBND tỉnh Nghệ An để xin hướng dẫn, hỗ trợ các thủ tục để xử lý dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Đông Hồi. Tại Thông báo số 31/TB-UBND ngày 18/01/2023 UBND tỉnh Nghệ An đã thống nhất với đề xuất của VICEM về chấm dứt hoạt động của dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi và về nguyên tắc ủng hộ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai đề xuất dự án Trạm nghiền xi măng tại vị trí Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung sau khi dự án này hoàn thành các thủ tục để chấm dứt hoạt động, xử lý tài chính, tài sản theo đúng quy định.

Ngày 24/8/2023, Hội đồng thành viên VICEM đã có văn bản số 1654/VICEM-HĐTV báo cáo Bộ Xây dựng về việc triển khai các thủ tục chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung tại KCN Đông Hồi, tỉnh Nghệ An.

Ngày 25/12/2023, Vicem Hoàng Mai có văn bản số 4756/XMHM-NĐD trình VICEM về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Trạm nghiền xi măng tại KCN Đông Hồi - Nghệ An. Ngày 25/01/2024, VICEM có văn bản số 117/VICEM-ĐTXD gửi Vicem Hoàng Mai và Người đại diện phần vốn của VICEM tại Vicem Hoàng Mai góp ý về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Trạm nghiền xi măng tại Đông Hồi - Nghệ An. Vicem Hoàng Mai đang phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát, chỉnh sửa hoàn thiện Báo cáo.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, VICEM đang tiếp tục thực hiện báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét thống nhất chủ trương để triển khai các thủ tục chấm dứt hoạt động dự án đầu tư Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung và gắn với đề xuất của Vicem Hoàng Mai về thực hiện dự án Trạm nghiền xi măng tại vị trí dự án Nhà máy Kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung sau khi dự án này hoàn thành các thủ tục chấm dứt hoạt động dự án đầu tư theo quy định.

- (iv) Dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi được thực hiện theo Quyết định số 659/QĐ-VICEM của Hội đồng thành viên VICEM ban hành ngày 04/4/2016, tổng mức đầu tư là 1.978 tỷ đồng.

Ngày 20/11/2018, Hội đồng thành viên VICEM đã ban hành Quyết định số 2146/QĐ-VICEM phê duyệt chấm dứt dự án đầu tư xây dựng Cảng Đông Hồi kể từ ngày 30/6/2018 với giá trị quyết toán là 2.680.806.045 đồng. VICEM và Vicem Hoàng Mai có văn bản báo cáo UBND tỉnh Nghệ An chấp thuận cho Vicem Hoàng Mai tiếp tục lập dự án hoặc/và làm Nhà đầu tư thực hiện dự án cảng biển tại Đông Hồi, tỉnh Nghệ An đồng bộ với dự án Xi măng Hoàng Mai 2.

Ngày 05/10/2020, Vicem Hoàng Mai có văn bản số 3249/BC-XMHM báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, trong đó có nội dung: Dự án đang tạm giãn tiến độ triển khai do hiện nay UBND tỉnh Nghệ An đang phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải lập quy hoạch cảng Đông Hồi giai đoạn 2020-2035 và tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 22/9/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1579/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 09/01/2023, VICEM đã phối hợp với Vicem Hoàng Mai làm việc với UBND tỉnh Nghệ An về dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi. Tại Thông báo số 31/TB-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh Nghệ An có nội dung: Sau khi quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn năm 2050 và Quy hoạch chi tiết khu bến cảng Đông Hồi được phê duyệt, đáp ứng đủ nhu cầu hàng hóa thông qua cảng, đề nghị Vicem Hoàng Mai đề xuất đầu tư dự án trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Ngày 02/02/2023, Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An có văn bản số 122/KKT-KHĐT gửi VICEM và Vicem Hoàng Mai để hướng dẫn triển khai thực hiện Thông báo số 31/TB-UBND ngày 18/01/2023.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, VICEM và Vicem Hoàng Mai đang tiếp tục bám sát ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Nghệ An để rà soát, triển khai dự án Cảng VICEM tại Đông Hồi theo đúng quy định..

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	-	9.692.889.785
Chi phí ủng hộ huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	-	9.692.889.785
Dài hạn	13.791.802.000	13.791.802.000
Tiền thuê đất dự án nhà máy kết cấu bê tông - Vật liệu xây dựng không nung Nghệ An, Đông Hồi	13.791.802.000	13.791.802.000
Cộng	<u>13.791.802.000</u>	<u>23.484.691.785</u>

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trưng Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	1.875.000.000.000	-	1.875.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	920.000.000.000	-	931.608.123.222	(11.608.123.222)
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	1.132.027.198.900	(1.069.662.553.242)	1.132.027.198.900	(1.004.077.996.047)
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	2.584.434.333.100	-	2.584.434.333.100	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	733.291.747.950	-	733.291.747.950	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	898.556.152.000	-	898.556.152.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	510.918.000.000	-	510.918.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	314.637.600.000	(33.938.987.035)	314.637.600.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	516.550.000.000	(252.585.043.502)	516.550.000.000	(247.191.086.910)
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.605.858.460.000	(1.605.858.460.000)	1.605.858.460.000	(1.605.858.460.000)
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	279.365.401.780	-	279.365.401.780	-
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	35.786.140.000	-	35.786.140.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	65.147.000.000	-	65.147.000.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	41.990.150.000	-	41.990.150.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	16.290.600.000	-	16.290.600.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	3.354.500.000	-	3.354.500.000	-
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	92.096.300.000	-	92.096.300.000	-
Cộng	11.625.303.583.730	(2.962.045.043.779)	11.636.911.706.952	(2.868.735.666.179)

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09a - DN

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Xi măng Nghi Sơn	872.610.611.500	-	872.610.611.500	-
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	814.863.899.899	-	814.863.899.899	-
Công ty Xi măng Chinfon	194.035.068.000	-	194.035.068.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	36.611.500.000	-	36.611.500.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	14.754.500.000	-	14.754.500.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	22.634.323.995	-	22.634.323.995	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	18.620.000.000	-	18.620.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	4.441.000.000	-	4.441.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	15.380.500.000	-	15.380.500.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	12.000.000.000	(10.228.000.000)	12.000.000.000	(8.320.000.000)
Cộng	2.005.951.403.394	(10.228.000.000)	2.005.951.403.394	(8.320.000.000)

18. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Tám lợp - Vật liệu xây dựng Đồng Nai	43.625.888.700	(41.357.644.700)	43.625.888.700	(40.450.347.100)
Công ty Cổ phần Tài chính Tín Việt	97.543.511.250	-	97.543.511.250	-
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie	96.000.000.000	(4.250.263.953)	96.000.000.000	(8.381.424.412)
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Kratie	105.000.000.000	-	105.000.000.000	-
Cộng	342.169.399.950	(45.607.908.653)	342.169.399.950	(48.831.771.512)

Theo Đề án cơ cấu lại VICEM giai đoạn 2021 - 2025 đã trình Bộ Xây dựng, Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn tại các công ty này.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	10.259.343.925	10.259.343.925	11.953.645.724	11.953.645.724
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	1.677.208.852	1.677.208.852	136.512.000	136.512.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	282.000.000	282.000.000	-	-
Công ty TNHH một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	4.665.195.739	4.665.195.739	9.692.889.785	9.692.889.785
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	2.552.738.147	2.552.738.147	-	-
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	1.082.201.187	1.082.201.187	2.124.243.939	2.124.243.939
Phải trả người bán khác	27.183.618.300	27.183.618.300	27.002.233.078	27.002.233.078
Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam	25.190.394.192	25.190.394.192	25.190.394.192	25.190.394.192
Các nhà cung cấp khác	1.993.224.108	1.993.224.108	1.811.838.886	1.811.838.886
Cộng	37.442.962.225	37.442.962.225	38.955.878.802	38.955.878.802

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	13.944.643.880	10.044.652.959	3.899.990.921
Thuế thu nhập cá nhân	3.479.279.459	17.598.795.971	20.509.226.228	568.849.202
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.095.621.635)	-	-	(8.095.621.635)
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách nhà nước	206.283.276.817	255.039.875.339	395.837.322.035	65.485.830.121
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	11.041.849.696	11.041.849.696	-
Các loại thuế, phí khác	(22.527.667)	4.613.751	4.613.751	(22.527.667)
- Phải thu	(22.527.667)	-	-	(22.527.667)
- Phải nộp	-	4.613.751	4.613.751	-
Cộng	201.644.406.974	297.629.778.637	437.437.664.669	61.836.520.942
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8.118.149.302			8.118.149.302
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	209.762.556.276			69.954.670.244

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả về đầu tư xây dựng cơ bản	19.415.981.031	19.415.981.031
Chi phí từ thiện, ủng hộ	46.637.530.041	-
Chi phí phải trả khác	6.625.768.608	2.610.965.651
Cộng	<u>72.679.279.680</u>	<u>22.026.946.682</u>

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	133.791.841	129.121.468
Phải trả về cổ phần hóa	10.200.000	10.200.000
Quỹ ủng hộ công tác xã hội, từ thiện (i)	18.947.575.229	9.527.058.709
Quỹ hỗ trợ Tây Nam Bộ (ii)	3.199.157.822	3.199.157.822
Phải trả các đơn vị liên quan đến ủy thác xuất khẩu	-	48.621.466.933
Các khoản khác	4.823.025.566	8.778.276.814
Cộng	<u>27.113.750.458</u>	<u>70.265.281.746</u>

- (i) Quỹ ủng hộ từ thiện và nhân đạo của Tổng công ty nhằm mục đích hỗ trợ các công ty thành viên gặp khó khăn về sản xuất kinh doanh, thu nhập của công nhân viên chức lao động thấp; để hỗ trợ các đơn vị, cá nhân giúp đỡ ủng hộ Tổng công ty trong việc thực hiện hoàn thành nhiệm vụ chính trị, chăm lo đến việc làm thu nhập của cán bộ công nhân viên Tổng công ty; để ủng hộ công tác từ thiện, nhân đạo, xã hội. Quỹ được xây dựng bằng một phần tiền lương tự nguyện ủng hộ của cán bộ công nhân viên lao động và các nguồn hỗ trợ khác.
- (ii) Quỹ hỗ trợ Tây Nam Bộ: Quỹ được lập trên cơ sở chỉ đạo của Ban chỉ đạo Tây Nam Bộ để thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nguồn hình thành Quỹ được đóng góp từ các công ty thành viên VICEM và Công ty mẹ - VICEM.

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	78.692,82	2.140.312,13
- Euro (EUR)	483,00	483,00

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	15.033.985.412.409	97.859.545.560	1.185.926.005.982	-	16.317.770.963.951
Lãi trong năm	-	-	-	815.374.823.824	815.374.823.824
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	244.612.447.147	(244.612.447.147)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(33.957.617.500)	(33.957.617.500)
Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách	-	-	-	(536.804.759.177)	(536.804.759.177)
Tại ngày 01/01/2023	15.033.985.412.409	97.859.545.560	1.430.538.453.129	-	16.562.383.411.098
Lãi trong năm	-	-	-	413.239.464.770	413.239.464.770
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	123.971.839.431	(123.971.839.431)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(34.227.750.000)	(34.227.750.000)
Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách	-	-	-	(255.039.875.339)	(255.039.875.339)
Tại ngày 31/12/2023	15.033.985.412.409	97.859.545.560	1.554.510.292.560	-	16.686.355.250.529

(*) Tại ngày 31/12/2023, VICEM tạm trích Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. VICEM sẽ thực hiện điều chỉnh (nếu có) khi có quyết định phê duyệt báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận của Bộ Xây dựng.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu phí tư vấn	220.847.617.736	200.845.041.057
Doanh thu dịch vụ khác	6.580.922.385	5.364.705.601
Cộng	227.428.540.121	206.209.746.658

Doanh thu phí tư vấn với các bên liên quan

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	50.754.098.488	44.135.632.142
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	10.862.544.927	13.429.790.974
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	1.346.825.742	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	111.304.258.116	121.219.544.588
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	15.582.170.738	5.976.262.452
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	12.313.051.234	8.355.375.296
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	8.035.998.874	(760.104)
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	902.931.002	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	234.210.150	198.392.606
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	2.201.801.006	-
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	4.269.117.171	6.691.601.496
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	401.121.994	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	127.845.637	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	191.917.103	-
Công ty Cổ phần TMDVVT Xi măng Hải Phòng	52.003.050	-
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	4.764.686	-
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	1.490.150.566	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	342.350.163	321.355.769
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	121.452.442	150.103.510
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	226.792.483	235.494.275
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	82.212.164	132.248.053
Cộng	220.847.617.736	200.845.041.057

Doanh thu dịch vụ khác với các bên liên quan

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	452.064.363	158.262.962
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	101.047.000	840.841.343
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	788.801.415	189.644.329
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	582.797.445	408.885.415
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	1.302.948.104	690.416.667
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	271.038.913	1.271.090.197
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	746.137.037	63.013.275
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	141.682.139	40.822.725
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	55.251.415	44.413.602
Công ty TNHH Siam City Cement	1.714.192.811	1.439.649.815
Công ty Xi măng Chinfon	-	193.000.000
Cộng	6.155.960.642	5.340.040.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.543.162.206	11.751.483.685
Cộng	8.543.162.206	11.751.483.685

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	179.184.762.304	107.442.865.980
Lãi cho các đơn vị thành viên vay vốn	40.711.306.329	39.524.761.996
Cổ tức, lợi nhuận được chia	417.110.565.337	667.802.732.763
Lãi chênh lệch tỷ giá	97.236.112	872.331.027
Doanh thu tài chính khác	1.564.896.772	-
Cộng	638.668.766.854	815.642.691.766

Chi tiết cổ tức lợi nhuận được chia

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	-	66.830.853.278
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	121.641.035.200	182.461.552.800
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	45.062.007.500	45.062.007.500
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	29.474.681.700	39.299.575.600
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	6.291.152.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	5.892.516.300	-
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	2.147.168.400	2.147.168.400
Công ty Cổ phần TMDVVT Xi măng Hải Phòng	162.906.000	162.906.000
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	201.270.000	234.815.000
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	3.937.416.600	5.249.888.800
Công ty Xi măng Nghi Sơn	60.648.700.000	65.761.500.000
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	83.773.331.037	221.638.097.635
Công ty Xi măng Chínfon	5.631.600.000	26.136.400.000
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	45.859.564.900	7.322.300.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	442.635.000	442.635.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	2.469.199.200	2.469.199.200
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bỉm Sơn	372.400.000	558.600.000
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch	284.224.000	341.068.800
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	1.768.757.500	1.684.164.750
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Kratie	1.050.000.000	-
Cộng	417.110.565.337	667.802.732.763

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết lãi cho các đơn vị thành viên vay vốn

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	-	333.150.684
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	7.974.082.191	7.446.301.369
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	8.512.068.494	6.251.287.671
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	-	3.582.958.905
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	3.546.352.054	3.003.178.083
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	12.120.951.536	11.097.145.558
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	6.552.328.767	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	2.005.523.287	1.810.739.726
Cộng	40.711.306.329	39.524.761.996

Doanh thu tài chính khác

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	1.564.896.772	-

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	44.992.729	620.600.118
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư tài chính	103.601.637.963	(77.621.362.292)
Cộng	103.646.630.692	(77.000.762.174)

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	145.985.581.641	146.068.217.160
Chi phí vật liệu quản lý	4.756.928.952	3.853.009.230
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.950.007.756	2.486.423.913
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.131.683.457	4.053.430.349
Thuế, phí và lệ phí	11.876.386.756	11.064.987.028
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	20.450.362	(171.854.653)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.962.804.993	16.018.765.135
Chi phí khác	144.912.131.232	84.260.200.442
Cộng	339.595.975.149	267.633.178.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập khác		
Các khoản khác	136.325.218	34.117.066
Cộng	136.325.218	34.117.066
Chi phí khác		
Tiền thuế GTGT không được trừ phân bổ cho hoạt động cho vay	1.207.785.625	1.288.640.369
Tiền chậm nộp thuế, phạt thuế, truy thu thuế	613.751	2.839.191.182
Cộng	1.208.399.376	4.127.831.551

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kế toán trước thuế	413.239.464.770	815.374.823.824
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	93.599.935.072	12.452.349.319
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	14.826.115	864.911.299
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện năm nay	(864.911.299)	-
Chi phí không được trừ khác	94.450.020.256	11.587.438.020
Thu nhập chịu thuế	506.839.399.842	827.827.173.143
Thu nhập miễn thuế	418.675.462.109	667.802.732.763
Lỗi kết chuyển	88.163.937.733	160.024.440.380
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.706.936.708	6.339.433.143
Chi phí nhân công	149.129.774.542	148.045.080.999
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.131.683.457	4.062.513.426
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.337.700.345	16.018.765.135
Chi phí khác bằng tiền	158.833.042.303	104.918.869.586
Cộng	348.139.137.355	279.384.662.289

33. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan

Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Số dư phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia**

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	-	34.847.627.135
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	171.641.035.200	160.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	45.062.007.500	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	29.474.681.700	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	6.291.152.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	360.000.000	360.000.000
Cộng	<u>252.828.876.400</u>	<u>195.207.627.135</u>

Số dư người mua trả tiền trước

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	-	1.375.882.243
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	-	7.175.970.750
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	-	2.021.177.715
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	-	116.374.589
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	-	33.604.403
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	128.560.011	337.666.033
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	-	22.824.453
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	-	2.846.032
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	-	1.262.815.629
Cộng	<u>128.560.011</u>	<u>12.349.161.847</u>

Số dư phải thu khác ngắn hạn

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Phải thu liên quan đến ủy thác xuất khẩu		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	-	2.351.537.716
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	89.334.582	
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	-	4.726.705
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	422.968.157	4.649.191
Phải thu chênh lệch vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	70.936.775.046	69.371.878.274
Phải thu tiền điện		
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	40.887.535	-

Số dư phải trả khác ngắn hạn

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Phải trả liên quan đến ủy thác xuất khẩu	-	48.612.091.010
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	-	48.503.116.800
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	-	88.374
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	-	108.885.836
Phải trả khác	1.749.595.703	2.780.254.151
Viện công nghệ Xi măng Vicem	679.434.653	1.710.093.101
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	1.070.161.050	1.070.161.050

Thu nhập của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc	6.677.518.700	5.308.695.800

34. CÁC KHOẢN CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Liên quan tới Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Điều hành và giao dịch VICEM, Liên danh nhà thầu Posco E&C Việt Nam và Phục Hưng Holdings đã ký kết hợp đồng xây dựng số 0518/2012/HĐKT-XMVN ngày 06/4/2012 để thực hiện Gói thầu số 20 "Thi công kết cấu móng và tầng hầm đến cao độ +0.0 m" ("Gói thầu số 20") thuộc Dự án với tổng giá trị là 166,6 tỷ đồng (hợp đồng đơn giá điều chỉnh). Tổng công ty đã thực hiện thanh toán cho nhà thầu này theo tiến độ các đợt thanh toán và nghiệm thu khối lượng công trình như quy định trong hợp đồng với tổng số tiền là 140,8 tỷ đồng.

Gói thầu thi công chậm tiến độ do trong quá trình thi công có một số thay đổi, phát sinh. Sau nhiều lần làm việc, hồ sơ quyết toán A-B chưa được Liên danh nhà thầu hoàn thiện. Ngày 04/5/2018, đại diện Liên danh nhà thầu là Posco E&C Việt Nam đã gửi đơn kiện lên Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội đề nghị giải quyết tranh chấp giữa Liên danh nhà thầu và Tổng công ty liên quan đến Gói thầu số 20.

Theo Bản án sơ thẩm số 78/2021/KDTM-ST ngày 29/11/2021, Liên danh nhà thầu đề nghị giá trị quyết toán là 194,7 tỷ đồng (cao hơn 53,9 tỷ đồng so với giá trị Tổng công ty đã thanh toán cho nhà thầu). Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội đã quyết định buộc Tổng công ty phải thanh toán trả cho Liên danh nhà thầu số tiền 53,9 tỷ đồng và số tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 29/11/2021 là 27,5 tỷ đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Tổng công ty đối với Liên danh; buộc Liên danh nhà thầu phải thanh toán trả cho Tổng công ty số tiền phạt vi phạm thi công chậm tiến độ là 7,99 tỷ đồng. Ngày 10/12/2021, Tổng công ty đã gửi đơn kháng cáo số 2353/VICEM-KTPC đến Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội về việc kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 78/2021/KDTM-ST ngày 29/11/2021 để tiếp tục được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 28/10/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã tiến hành xét xử phúc thẩm và ban hành Bản án số 186/2022/KDTM-PT. Theo đó, Tòa án đã quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm số 78/2021/KDTM-ST ngày 29/11/2021, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của VICEM và không chấp nhận kháng cáo của Liên danh nhà thầu về việc thanh toán phần việc thi công gói 19 và tiền phạt chậm tiến độ, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo tiền lãi chậm trả.

Ngày 05/12/2022, VICEM đã có đơn đề nghị gửi Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm và hoãn thi hành án đối với các Bản án sơ thẩm và phúc thẩm nêu trên. Ngày 19/12/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có Văn bản số 14/TANDCC-KDTM yêu cầu Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội ra quyết định hoãn thi hành Bản án phúc thẩm số 186/2022/KDTM-PT của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày ra văn bản yêu cầu hoãn thi hành án để có thời gian xem xét lại Bản án phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ngày 21/03/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 04/2023/KN-KDTM.

Ngày 27/08/2023 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành quyết định giám đốc thẩm số 19/2023/KDTM-GĐT, theo đó Tòa án đã quyết định hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 186/2022/KDTM-PT ngày 28/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 78/2021/KDTM-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Tổng công ty chưa nhận được thông báo liên quan của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Do đó, Tổng công ty chưa có đầy đủ cơ sở để ghi nhận cho các khoản phải thanh toán bổ sung, nếu có, từ vụ kiện này trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hầu hết hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong năm được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Trong đó, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker. Các ngành nghề kinh doanh liên quan bao gồm: kinh doanh than, thạch cao, vận tải cho chuỗi giá trị sản xuất kinh doanh xi măng; cung ứng các dịch vụ tư vấn, chuyển giao kỹ năng quản lý, quản trị doanh nghiệp, kỹ thuật, thị trường; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; tư vấn đầu tư, xây dựng và phát triển xi măng; lĩnh vực vật liệu xây dựng liên quan chuỗi giá trị ngành xi măng; và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh. Vì vậy, không có báo cáo bộ phận cần trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

36. THÔNG TIN KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập của Kiểm soát viên	613.077.800	1.023.079.700

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Trịnh Thị Hương

Văn Quang Đức

Lê Nam Khánh